



BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 8)

(Đính kèm quyết định số: 2256/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHỀNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TN TT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
TỔNG CỘNG						-	-	358.958.000	358.958.000	-	-	-	358.958.000	-	358.958.000	-	
1	1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Quản lý nhà nước)	422	340	341		6.674.000	6.674.000	-			6.674.000		6.674.000		
KHU VỰC 2								175.815.000	175.815.000	-	-	-	175.815.000	-	175.815.000	-	
2	1	1129237	Trung tâm GDTX và BDNV Bình Dương	422	070	075		5.335.000	5.335.000	-			5.335.000		5.335.000		
3	2	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074		6.014.000	6.014.000	-			6.014.000		6.014.000		
4	3	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074		6.163.000	6.163.000	-			6.163.000		6.163.000		
5	4	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074		5.115.000	5.115.000	-			5.115.000		5.115.000		
6	5	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074		6.490.000	6.490.000	-			6.490.000		6.490.000		
7	6	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074		6.721.000	6.721.000	-			6.721.000		6.721.000		
8	7	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074		6.742.000	6.742.000	-			6.742.000		6.742.000		
9	8	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074		4.031.000	4.031.000	-			4.031.000		4.031.000		
10	9	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074		6.796.000	6.796.000	-			6.796.000		6.796.000		
11	10	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074		6.006.000	6.006.000	-			6.006.000		6.006.000		
12	11	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074		5.526.000	5.526.000	-			5.526.000		5.526.000		
13	12	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074		4.364.000	4.364.000	-			4.364.000		4.364.000		
14	13	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074		5.278.000	5.278.000	-			5.278.000		5.278.000		
15	14	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074		3.937.000	3.937.000	-			3.937.000		3.937.000		
16	15	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074		5.053.000	5.053.000	-			5.053.000		5.053.000		
17	16	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074		4.496.000	4.496.000	-			4.496.000		4.496.000		
18	17	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074		5.514.000	5.514.000	-			5.514.000		5.514.000		
19	18	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074		4.527.000	4.527.000	-			4.527.000		4.527.000		
20	19	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074		5.229.000	5.229.000	-			5.229.000		5.229.000		
21	20	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074		6.071.000	6.071.000	-			6.071.000		6.071.000		
22	21	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074		2.145.000	2.145.000	-			2.145.000		2.145.000		
23	22	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074		4.905.000	4.905.000	-			4.905.000		4.905.000		
24	23	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074		5.365.000	5.365.000	-			5.365.000		5.365.000		
25	24	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074		1.810.000	1.810.000	-			1.810.000		1.810.000		
26	25	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074		6.234.000	6.234.000	-			6.234.000		6.234.000		
27	26	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074		4.725.000	4.725.000	-			4.725.000		4.725.000		

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHỀNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TN TT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
28	27	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074		5.018.000	5.018.000	-			5.018.000		5.018.000		
29	28	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074		2.426.000	2.426.000	-			2.426.000		2.426.000		
30	29	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074		2.869.000	2.869.000	-			2.869.000		2.869.000		
31	30	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074		2.992.000	2.992.000	-			2.992.000		2.992.000		
32	31	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074		4.952.000	4.952.000	-			4.952.000		4.952.000		
33	32	1135937	Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	422	070	092		2.387.000	2.387.000	-			2.387.000		2.387.000		
34	33	1135938	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092		2.382.000	2.382.000	-			2.382.000		2.382.000		
35	34	1115619	Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa Bình Dương	422	070	092		4.125.000	4.125.000	-			4.125.000		4.125.000		
36	35	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075		2.048.000	2.048.000	-			2.048.000		2.048.000		
37	36	1126714	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075		3.025.000	3.025.000	-			3.025.000		3.025.000		
38	37	1126687	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075		1.889.000	1.889.000	-			1.889.000		1.889.000		
39	38	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075		2.752.000	2.752.000	-			2.752.000		2.752.000		
40	39	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075		482.000	482.000	-			482.000		482.000		
41	40	1126616	Trung Tâm GDNN - GDTX Phú Giáo	422	070	075		2.115.000	2.115.000	-			2.115.000		2.115.000		
42	41	1126614	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075		1.761.000	1.761.000	-			1.761.000		1.761.000		
		KHU VỰC 3						176.469.000	176.469.000	-	-	-	176.469.000	-	176.469.000	-	
43	1	1014283	Trường Nuôi dạy trẻ Kiêm Thị Hữu Nghị	422	070	072		2.680.000	2.680.000	-			2.680.000		2.680.000		
44	2	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422	070	072		3.970.000	3.970.000	-			3.970.000		3.970.000		
45	3	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074		3.615.000	3.615.000	-			3.615.000		3.615.000		
46	4	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074		8.702.000	8.702.000	-			8.702.000		8.702.000		
47	5	1014282	Trường THPT Vũng Tàu	422	070	074		8.034.000	8.034.000	-			8.034.000		8.034.000		
48	6	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074		7.215.000	7.215.000	-			7.215.000		7.215.000		
49	7	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hân	422	070	074		6.460.000	6.460.000	-			6.460.000		6.460.000		
50	8	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		7.888.000	7.888.000	-			7.888.000		7.888.000		
51	9	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		5.744.000	5.744.000	-			5.744.000		5.744.000		
52	10	1015810	Trường THPT Châu Thành	422	070	074		5.816.000	5.816.000	-			5.816.000		5.816.000		
53	11	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074		5.966.000	5.966.000	-			5.966.000		5.966.000		
54	12	1017526	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	422	070	074		5.028.000	5.028.000	-			5.028.000		5.028.000		
55	13	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074		4.803.000	4.803.000	-			4.803.000		4.803.000		
56	14	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		3.362.000	3.362.000	-			3.362.000		3.362.000		
57	15	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074		4.130.000	4.130.000	-			4.130.000		4.130.000		
58	16	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074		4.374.000	4.374.000	-			4.374.000		4.374.000		
59	17	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074		4.637.000	4.637.000	-			4.637.000		4.637.000		
60	18	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074		3.623.000	3.623.000	-			3.623.000		3.623.000		
61	19	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074		7.641.000	7.641.000	-			7.641.000		7.641.000		
62	20	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		5.409.000	5.409.000	-			5.409.000		5.409.000		

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TNNT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỐNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
63	21	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		5.648.000	5.648.000	-			5.648.000		5.648.000		
64	22	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		4.113.000	4.113.000	-			4.113.000		4.113.000		
65	23	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		5.707.000	5.707.000	-			5.707.000		5.707.000		
66	24	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		5.829.000	5.829.000	-			5.829.000		5.829.000		
67	25	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074		5.989.000	5.989.000	-			5.989.000		5.989.000		
68	26	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074		6.041.000	6.041.000	-			6.041.000		6.041.000		
69	27	1104499	Trường THPT Bung Riềng	422	070	074		4.171.000	4.171.000	-			4.171.000		4.171.000		
70	28	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074		5.683.000	5.683.000	-			5.683.000		5.683.000		
71	29	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074		5.111.000	5.111.000	-			5.111.000		5.111.000		
72	30	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074		3.936.000	3.936.000	-			3.936.000		3.936.000		
73	31	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074		5.264.000	5.264.000	-			5.264.000		5.264.000		
74	32	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075		1.557.000	1.557.000	-			1.557.000		1.557.000		
75	33	1021428	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	075		1.903.000	1.903.000	-			1.903.000		1.903.000		
76	34	1007326	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	070	075		1.549.000	1.549.000	-			1.549.000		1.549.000		
77	35	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075		1.571.000	1.571.000	-			1.571.000		1.571.000		
78	36	1002758	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Châu Đức	422	070	075		1.827.000	1.827.000	-			1.827.000		1.827.000		
79	37	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075		1.473.000	1.473.000	-			1.473.000		1.473.000		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH